

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 120/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2022

*V/v Tranh chấp ly hôn, cấp dưỡng  
nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Bích Ngọc
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bé Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 646/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 1017/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Lê Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1989  
Địa chỉ: 16/7 Khu phố N, thị trấn B, huyện B, Thành phố H.

***2. Bị đơn:*** Ông Phạm Anh T, sinh năm 1981  
Địa chỉ: 212/235 đường N, phường Đ, Quận M, Thành phố H.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Nguyễn Ngọc T trình bày:***

Bà Lê Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 01/2013, ngày 21/9/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về tính tình và quan điểm sống không thể hàn gắn được. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau đôi khi chỉ vì bất đồng một quan điểm rất nhỏ. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày một nhiều hơn, mặc ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa, chỉ trao đổi hoặc nói chuyện với nhau liên

quan đến vấn đề con cái. Từ ngày 11/7/2020 đến nay, bà và ông Phạm Anh T không còn chung sống.

Nay vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Anh T.

Về con chung: Bà và ông Phạm Anh T có hai con chung là trẻ Phạm Ngọc Vân A (nữ), sinh ngày 15/12/2015 và trẻ Phạm Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 01/6/2018. Cả hai con đang do ông Phạm Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, bà đến thăm nom hai con vào mỗi cuối tuần. Hiện ông Phạm Anh T có thu nhập và nơi cư trú ổn định, có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con tốt hơn bà. Do đó bà yêu cầu giao hai con chung cho ông Phạm Anh T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định cuộc sống và học tập của hai con.

Về yêu cầu phản tố của ông Phạm Anh T yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi mỗi con là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi thì bà không đồng ý. Hiện tại bà là lao động tự do, mức thu nhập mỗi tháng chỉ khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng nhưng cũng không ổn định và bà còn mẹ ruột phải nuôi dưỡng. Hiện nay mức cấp dưỡng tối đa mà bà có thể cấp dưỡng nuôi trẻ Vân A là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng và trẻ Minh A là 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Bà đề nghị việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 5 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5/2022.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại đơn phản tố và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Phạm Anh T trình bày:*

Ông xác nhận ông và bà Lê Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn như bà Lê Nguyễn Ngọc T đã trình bày. Vợ chồng mâu thuẫn trong việc nuôi dưỡng con, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Từ ngày 11/7/2020, bà Lê Nguyễn Ngọc T đã ra ngoài sinh sống và để lại hai con cho ông chăm sóc. Việc bà Lê Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn là do ý chí chủ quan của bà Lê Nguyễn Ngọc T, ông không có bất kỳ ý kiến đồng tình hay phản đối.

Về con chung: Ông và bà Lê Nguyễn Ngọc T có hai con chung là trẻ Phạm Ngọc Vân A (nữ), sinh ngày 15/12/2015 và trẻ Phạm Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 01/6/2018. Bà Lê Nguyễn Ngọc T đề nghị ông trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung thì ông đồng ý.

Ông có yêu cầu phản tố về mức cấp dưỡng nuôi con như sau: Trong quá trình chung sống, ông là người lo chi phí sinh hoạt gia đình và tiền học, tiền sinh hoạt cho hai con. Mức lương của ông khoảng 21.000.000 đồng/tháng. Các chi phí hàng tháng để chăm sóc hai con tạm tính như:

- Chi phí can thiệp hỗ trợ tự kỷ của trẻ Vân A tại Trường Đại học y khoa P là 8.250.000 đồng/tháng, chi phí này tăng lên là 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2021.

- Chi phí mua học cụ, tài liệu, sách, tham gia các khóa học liên quan đến giáo dục tự kỷ tại nhà bình quân từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng.

- Chi phí học mẫu giáo cho hai con: 5.800.000 đồng/tháng.

- Chi phí thuê người giúp việc để chăm sóc hai con ở nhà: 6.000.000 đồng/tháng.

- Chi phí cơm nước, sinh hoạt gia đình và chi phí xăng xe đưa đón hai con: 5.000.000 đồng/tháng.

- Chi phí mua vật dụng sinh hoạt, tã sữa, đồ chơi, quần áo cho hai con từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng.

- Chi phí khám bệnh, thuốc men cho hai con: 1.000.000 đồng/tháng.

- Các chi phí cho 2 con đi chơi, đi ăn...: 1.000.000 đồng/tháng.

Như vậy, tổng chi phí chăm sóc cả hai con là hơn 30.000.000 đồng/tháng. Trước đây, do một phần bà Lê Nguyễn Ngọc T và gia đình bên ngoại hỗ trợ các chi phí nên tạm đủ. Từ ngày 11/7/2020, bà Lê Nguyễn Ngọc T không còn hỗ trợ ông về chi phí nuôi con nữa. Nay ông có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà Lê Nguyễn Ngọc T phải thực hiện cấp dưỡng mỗi con chung là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Bà Lê Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Anh T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 01/2013, ngày 21/9/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, không cùng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà Lê Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Anh T không hòa giải được với nhau về các mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có cơ sở xác định giữa bà Lê Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Anh T không còn khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn chăm sóc lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó bà Lê Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn ông Phạm Anh T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Lê Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Anh T có hai con chung là trẻ Phạm Ngọc Vân A (nữ), sinh ngày 15/12/2015 và trẻ Phạm Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 01/6/2018. Bà Lê Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Anh T đều thống nhất giao cả hai con chung cho ông Phạm Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Anh T có yêu cầu phản tố về việc buộc bà Lê Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 5.000.000 đồng/tháng cho đến

khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Xét bà Lê Nguyễn Ngọc T có thu nhập dao động từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng, căn cứ vào quy định của pháp luật, mức thu nhập của vợ chồng, tuổi của con chung và hoàn cảnh sống của trẻ em trong giai đoạn hiện nay thì cần buộc bà Lê Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn có yêu cầu phản tố về việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp ly hôn, cấp dưỡng nuôi con”.

Bị đơn cư trú tại Quận 1. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Anh T, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Lê Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Anh T tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Đ, Quận M, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 01/2013, ngày 21/9/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về tính tình và quan điểm sống không thể hàn gắn được. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau đôi khi chỉ vì bất đồng một quan điểm rất nhỏ. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày một nhiều hơn, giữa vợ chồng mặc ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa, chỉ trao đổi hoặc nói chuyện với nhau liên quan đến vấn đề con cái. Từ ngày 11/7/2020 đến nay, bà Lê Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Anh T không còn chung sống. Nay vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Nguyễn Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Anh T.

Phía ông Phạm Anh T trình bày vợ chồng mâu thuẫn trong việc nuôi dưỡng con, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Từ ngày 11/7/2020, bà Lê Nguyễn Ngọc T đã ra ngoài sinh sống. Việc bà Lê Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn là do ý chí chủ quan của bà Lê Nguyễn Ngọc T, ông không có bất kỳ ý kiến đồng tình hay phản đối.

Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Nguyễn Ngọc T, ông Phạm Anh T đã nảy sinh những mâu thuẫn trầm trọng về tính tình và quan điểm sống. Hai bên đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và làm tròn các nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong quá trình Tòa án hòa giải, hai bên cũng không có các phương án nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân, đến nay bà Lê Nguyễn Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa bà Lê Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Anh T không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó bà Lê Nguyễn Ngọc T yêu cầu ly hôn ông Phạm Anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Lê Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Anh T có hai con chung là trẻ Phạm Ngọc Vân A (nữ), sinh ngày 15/12/2015 và trẻ Phạm Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 01/6/2018.

Bà Lê Nguyễn Ngọc T và ông Phạm Anh T thống nhất giao cả hai con chung cho ông Phạm Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Nguyễn Ngọc T hiện có thu nhập không ổn định. Ông Phạm Anh T có thu nhập và nơi cư trú ổn định, cũng là người chăm sóc hai con từ nhỏ đến nay, do đó việc ông Phạm Anh T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp, không làm xáo trộn đời sống, việc học tập của hai trẻ.

Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của trẻ, giao hai con chung là trẻ Phạm Ngọc Vân A (nữ), sinh ngày 15/12/2015 và trẻ Phạm Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 01/6/2018 cho ông Phạm Anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về yêu cầu phân tố của bị đơn ông Phạm Anh T yêu cầu bà Lê Nguyễn Ngọc T phải thực hiện cấp dưỡng mỗi con chung là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo bị đơn trình bày về chi phí chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung khoảng hơn 30.000.000 đồng/tháng. Hiện trẻ Vân A đang mắc chứng rối loạn phổ tự kỷ, đang học tại 02 nơi: Trường mầm non Q, huyện N và Đơn vị Âm ngữ trị liệu – Phòng khám Đa khoa Đại học y khoa P, Quận I, Thành phố H. Do đó bị đơn có yêu cầu phân tố về việc yêu cầu bà Lê Nguyễn Ngọc T phải thực hiện cấp dưỡng mỗi con chung là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Theo nguyên đơn trình bày hiện tại bà không có việc làm và thu nhập ổn định, mức thu nhập chỉ khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng và còn mẹ ruột phải nuôi dưỡng. Do đó, bà không thể thực hiện việc cấp dưỡng nuôi mỗi con là 5.000.000 đồng/tháng như yêu cầu của ông Phạm Anh T.

Căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”.

Căn cứ khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con. Bà Lê Nguyễn Ngọc T có thu nhập dao động từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng, do đó ông Phạm Anh T yêu cầu cấp dưỡng mỗi con chung là 5.000.000 đồng/tháng là chưa phù hợp.

Xét thấy bà Lê Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của bà Lê Nguyễn Ngọc T và nhu cầu thiết yếu của trẻ em trong giai đoạn hiện nay để xác định mức cấp dưỡng đối với hai trẻ. Đối với trẻ Minh A thì bà Lê Nguyễn Ngọc T phải cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ Minh A đủ 18 tuổi. Đối với trẻ Vân A đang mắc chứng rối loạn phổ tự kỷ, việc chăm sóc, học tập cần nhiều chi phí hơn; do đó bà Lê Nguyễn Ngọc T phải cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ Vân A đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 5 dương lịch hàng tháng, thực hiện từ tháng 5/2022.

Do đó chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Phạm Anh T về việc buộc bà Lê Nguyễn Ngọc T phải cấp dưỡng nuôi trẻ Vân A là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng và trẻ Minh A là 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi hai trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Phạm Anh T về mức cấp dưỡng chênh lệnh là 3.000.000 đồng/tháng đối với trẻ Vân A và 3.500.000 đồng/tháng đối với trẻ Minh A.

[5] Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về án phí:

Bà Lê Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng (gồm 300.000 đồng đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng về việc cấp dưỡng nuôi con).

Ông Phạm Anh T có yêu cầu về cấp dưỡng thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Điểm b khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## **Xử:**

### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Nguyễn Ngọc T được ly hôn ông Phạm Anh T.

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là trẻ Phạm Ngọc Vân A (nữ), sinh ngày 15 tháng 12 năm 2015 và trẻ Phạm Ngọc Minh A (nữ), sinh ngày 01 tháng 6 năm 2018 cho ông Phạm Anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lê Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn ông Phạm Anh T về việc buộc bà Lê Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm cấp dưỡng cho trẻ Phạm Ngọc Vân A là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng và trẻ Phạm Ngọc Minh A là 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi hai trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 5 dương lịch hàng tháng, thực hiện từ tháng 5 năm 2022.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### **3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này.**

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phạm Anh T về mức cấp dưỡng nuôi con chênh lệnh là 3.000.000 đồng/tháng đối với trẻ Phạm Ngọc Vân A và 3.500.0000 đồng/tháng đối với trẻ Phạm Ngọc Minh A.

### **5. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Lê Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030010 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Lê Nguyễn Ngọc T còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Ông Phạm Anh T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông Phạm Anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030759 ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### **6. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- UBND P. Tân Định, Q.1;
- Dương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Nguyễn Mai Phương**